TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê.

2. Ông Thi Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Đ - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ1 - Sinh năm 1965 - Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đào Thị Đ trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ1 cưới nhau vào năm 1985 và có đăng ký kết hôn ngày 20/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông Đ1 đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1989 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/8/1991, hiện hai con đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 tại phiên tòa và tại biên bản lấy lời khai trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ về ngày tháng, điều kiện kết hôn, việc đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân, về thời gian ly thân, về con chung, về không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Đ có mối quan hệ bất chính bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãu vã.

Về hôn nhân: Ông Đ1 không đồng ý theo yêu cầu ly hôn theo yêu cầu của bà Đào Thị Đ mà yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1989 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/8/1991, hiện hai con đang sống chung với bà Đ. Nếu ly hôn, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với ông Đ1, về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về chia tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đào Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Đ1 có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại ấp 4, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ1 được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 108/TB-TLVA ngày 09/5/2019, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 109/TB-TA ngày 09/5/2019 nhưng ông Đ1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên hòa giải lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, ông Đ1 không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Đ và ông Đ1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 20/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông Đ1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Đ và yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông Đ1, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Đ và ông Đ1 không ai cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Đ1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt dù sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tự mỗi người lo cho bản thân, quan hệ vợ chồng chấm dứt từ khi ly thân tháng 3/2019 đến nay. Ông Đ1 không có mặt tham gia phiên hòa giải. Do đó, việc bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Đ1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông Đ1 là không có căn cứ nên bác yêu cầu.

[3.2] Xét về nuôi con chung: Bà Đ và ông Đ1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1989 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/8/1991, hiện hai con đang sống chung với bà Đ. Do con chung đã thành niên nên khi ly hôn bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày bà và ông Đ1 không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn Đ1. Bà Đào Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1.

2. Về nuôi con chung: Bà Đ và ông Đ1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1989 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/8/1991, hiện hai con đang sống chung với bà Đ. Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004531 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Văn Triến